

Số: 08/2024/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 21 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt áp dụng hệ số K làm cơ sở để tính toán mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 5 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;
Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tại Tờ trình số 245/TTr-SNN ngày 22 tháng 12 năm 2023 và Công văn số 638/SNN-QBVPTR ngày 14 tháng 3 năm 2024).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định về áp dụng hệ số K làm cơ sở để tính toán mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Đối tượng áp dụng

a) Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh;

b) Bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng: gồm chủ rừng được quy định tại Điều 8 của Luật Lâm nghiệp năm 2017; tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có hợp đồng nhận khoán bảo vệ rừng với tổ chức do Nhà nước thành lập; Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Quy định nội dung và các thành phần hệ số K

1. Quy định nội dung: Hệ số K bằng tích số của các hệ số K thành phần ($K = K_1 \times K_2 \times K_3 \times K_4$).

2. Các thành phần hệ số K:

a) Hệ số K_1 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo trữ lượng rừng, gồm rừng rất giàu và rừng giàu, rừng trung bình, rừng nghèo. Hệ số K_1 có giá trị bằng: 1,00 đối với rừng rất giàu và rừng giàu; 0,95 đối với rừng trung bình; 0,90 đối với rừng nghèo. Tiêu chí trữ lượng rừng theo quy định của Bộ Nông nghiệp và

Phát triển nông thôn; được áp dụng theo Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

b) Hệ số K_2 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo mục đích sử dụng rừng được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, gồm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất. Hệ số K_2 có giá trị bằng: 1,00 đối với rừng đặc dụng; 0,95 đối với rừng phòng hộ; 0,90 đối với rừng sản xuất; được áp dụng theo Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

c) Hệ số K_3 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo nguồn gốc hình thành rừng, gồm rừng tự nhiên và rừng trồng. Hệ số K_3 có giá trị bằng: 1,00 đối với rừng tự nhiên; 0,90 đối với rừng trồng; được áp dụng theo kết quả phê duyệt diễn biến rừng và công bố hiện trạng hằng năm của tỉnh.

d) Hệ số K_4 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo mức độ khó khăn được quy định đối với diện tích cung ứng dịch vụ môi trường rừng nằm trên địa bàn các xã khu vực I, II, III theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Hệ số K_4 có giá trị bằng: 1,00 đối với xã thuộc khu vực III; 0,95 đối với xã thuộc khu vực II; 0,90 đối với xã thuộc khu vực I; được áp dụng theo Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

** Đối với địa bàn các xã có diện tích rừng được cung ứng dịch vụ môi trường rừng, nhưng không theo địa bàn khu vực quy định của Thủ tướng Chính phủ, thì hệ số K_4 không tính, chỉ tính hệ số K thành phần ($K = K_1 \times K_2 \times K_3$).*

Điều 3. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh tổ chức thanh toán đảm bảo chính xác, đúng đối tượng.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 05 tháng 04 năm 2024./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Tấn Hồ